

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Thanh Hùng;

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Châu San-Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ 02, ấp VA, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Châu Văn C, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ 02, ấp VA, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2021 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị Đ trình bày: Hôn nhân bà và ông C do tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 05/11/2009. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2020 vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hợp và cả hai không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Châu Ngọc T, sinh ngày 30/9/2009 và Châu Ái V1, sinh ngày 13/01/2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi 02 con chung, bà không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Châu Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Đúng như lời trình của bà Đ về thời gian chung sống, điều kiện và việc đăng ký kết hôn, còn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bà Đ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, khi ông về nhà bên vợ, bà Đ hắt hủi, xua đuổi và không cho ông vào nhà. Nay ông không đồng ý ly hôn với lý do muốn bà Đ quay lại cùng ông chăm sóc con cái và không muốn bà Đ quen với người đàn ông đó nữa.

- Về con chung: Như lời trình bày của bà Đ, hiện nay con chung đang sống với bà Đ và gia đình bà Đ. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao hai con chung lại cho bà Đ được tiếp tục nuôi dạy, ông xin không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2021 được cháu Châu Ngọc T, sinh ngày 30/9/2009 cho biết nếu cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng chung sống với mẹ.

Tại phiên tòa, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến. Ông C vắng mặt.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Châu Văn C, ông C có nơi cư trú tại huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Đ và ông C có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà Đ ly hôn với ông C thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn tình cảm, cả hai không có thiện chí hàn gắn lại gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ vẫn bảo lưu ý kiến của mình, không đồng ý đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Đ và ông C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Đ được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Châu Ngọc T, sinh ngày 30/9/2009 và Châu Ái V1, sinh ngày 13/01/2020.

Bà Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Đ và ông C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Đ được ly hôn với ông Châu Văn C.

- Về con chung: Bà Đ được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Châu Ngọc T, sinh ngày 30/9/2009 và Châu Ái V1, sinh ngày 13/01/2020.

Bà Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0007028 ngày 23/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/6/2021). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 172/HT cấp ngày 05/11/2009, thuộc quyền số 01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- UBND xã V (1);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện AP (1);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS.

Nguyễn Quang Bảo